|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**Dự thảo 1**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 5 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Điện ảnh ngày tháng năm 2022;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh về:

1. Nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị
2. Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh.
3. Lựa chọn dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước.
4. Tỷ lệ và thời gian chiếu phim Việt Nam, giờ chiếu phim cho trẻ em trong hệ thống rạp.
5. Tỷ lệ và thời gian phát sóng phim Việt Nam, phim dành cho trẻ em trên hệ thống truyền hình.
6. Phổ biến phim trên không gian mạng.
7. Quy trình hậu kiểm phim (nếu theo phương án 1 Điều 21 Dự thảo Luật).
8. Thu hút tổ chức nước ngoài làm phim tại Việt Nam.
9. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước* (sau đây gọi là chủ đầu tư) là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Trung ương, địa phương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất phim.

2. *Cơ quan, đơn vị quản lý dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước* (sau đây gọi là cơ quan quản lý dự án) là cơ quan, đơn vị tham mưu giúp chủ đầu tư dự án sản xuất phim, cụ thể như sau:

a) Cơ quan quản lý dự án thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác thuộc Trung ương, địa phương không thuộc quy định tại các điểm b và c khoản này là một đơn vị trực thuộc của chủ đầu tư dự án;

b) Cơ quan quản lý dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch;

c) Cơ quan quản lý dự án của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là Cục Điện ảnh.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị**

Nhà nước nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật caoquy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Điện ảnh theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hội đồng thẩm định và phân loại phim, Hội đồng thẩm định giá theo phân cấp có trách nhiệm tư vấn việc nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao.

**Điều 5. Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh**

Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật Điện ảnh gồm các nội dung sau:

1. Đầu tư công nghệ tiên tiến phục vụ các hoạt động điện ảnh; công tác quản lý và cải cách hành chính.

2. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại; số hóa phim lưu trữ của các cơ sở lưu trữ phim.

3. Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, hệ thống dữ liệu lớn, thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại khác phù hợp với xu thế phát triển của thế giới trong hoạt động điện ảnh.

4. Xây dựng, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phục vụ công tác thống kê hoạt động điện ảnh.

5. Áp dụng công nghệ mới để quảng bá, phổ biến phim Việt Nam.

6. Đầu tư xây dựng trường quay hiện đại theo chiến lược phát triển điện ảnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hiện đại hóa công nghệ và đầu tư thiết bị kỹ xảo, thiết bị kỹ thuật đồng bộ chuyên dụng, bảo đảm đủ điều kiện sản xuất phim theo công nghệ hiện đại, đạt chuẩn kỹ thuật quốc tế.

6. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ cao, cung cấp dịch vụ kĩ thuật số trong các hoạt động điện ảnh.

**Điều 6. Lựa chọn dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước**

Việc lựa chọn dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Luật Điện ảnh được thực hiện như sau:

1. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim xây dựng kế hoạch sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

***2a. Phương án 1:*** Quy trình, thủ tục lựa chọn dự án sản xuất phim sau khi được phê duyệt ngân sách dưới hình thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng:

a) Cơ quan quản lý dự án lập và trình chủ đầu tư thẩm định phê duyệt nội dung kế hoạch đề tài, nhóm đề tài hợp tác, sản xuất phim theo năm kế hoạch;

b) Cơ quan quản lý dự án gửi thông báo đến các cơ sở sản xuất phim kế hoạch đề tài, nhóm đề tài sản xuất phim đã được phê duyệt;

c) Hội đồng thẩm định kịch bản do chủ đầu tư thành lập xem xét kịch bản có chất lượng tốt nhất về nội dung, nghệ thuật và phù hợp với kế hoạch đề tài, nhóm đề tài được phê duyệt do các cơ sở sản xuất phim sản xuất phim gửi đến để tư vấn cho chủ đầu tư;

d) Căn cứ ý kiến tư vấn của Hội đồng thẩm định kịch bản, chủ đầu tư quyết định tuyển chọn kịch bản và thông báo đến cơ sở sản xuất phim có kịch bản được tuyển chọn để lập phương án, hồ sơ sản xuất phim;

đ) Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim do chủ đầu tư thành lập thẩm định, đánh giá tổng thể phương án sản xuất phim do cơ sở sản xuất phim gửi đến để tư vấn cho chủ đầu tư;

e) Chủ đầu tư quyết định lựa chọn dự án sản xuất phim căn cứ kết quả đánh giá, thẩm định của hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim;

g) Sau khi kết thúc quá trình sản xuất phim, chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu sản phẩm, thanh quyết toán. Cơ sở sản xuất phim làm thủ tục cấp phép phân loại phim theo quy định tại Điều 28 Luật Điện ảnh.

***2b***. ***Phương án 2***: Quy trình, thủ tục lựa chọn dự án sản xuất phim sau khi được phê duyệt ngân sách dưới hình thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng hoặc đấu thầu.

a) Quy trình giao nhiệm vụ và đặt hàng thực hiện theo quy trình tại khoản 2a Điều này;

b) Quy trình đấu thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2a Điều này và quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Đối với dự án sản xuất phim không nằm trong kế hoạch đã được cân đối ngân sách, chủ đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau đó lựa chọn doanh nghiệp hoặc dự án sản xuất phim theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định kịch bản và Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim.

**Điều 7. Tỷ lệ và thời gian chiếu phim Việt Nam, giờ chiếu phim cho trẻ em trong hệ thống rạp**

Tỷ lệ và thời gian chiếu phim Việt Nam, giờ chiếu phim cho trẻ em trong hệ thống rạp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Luật Điện ảnh được thực hiện như sau:

1. Phim Việt Nam được chiếu trong hệ thống rạp vào các đợt phim kỷ niệm ngày lễ của đất nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tỷ lệ chiếu phim truyện Việt Nam bảo đảm đạt ít nhất 25% tổng số suất chiếu trong quý của năm. Phim truyện Việt Nam được ưu tiên chiếu vào khung thời gian từ 18 đến 22 giờ.

3. Phim cho trẻ em phải kết thúc trước 22 giờ.

**Điều 8. Tỷ lệ và thời gian phát sóng phim Việt Nam, phim dành cho trẻ em trên hệ thống truyền hình**

Tỷ lệ và thời gian phát sóng phim Việt Nam, phim dành cho trẻ em trên hệ thống truyền hình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Điện ảnh được thực hiện như sau:

1. Phim Việt Nam được phát sóng trên hệ thống truyền hình vào các đợt phim kỷ niệm ngày lễ của đất nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời lượng phát sóng phim truyện Việt Nam đạt ít nhất 30% so với tổng thời lượng phát sóng phim của mỗi đài truyền hình. Phim truyện Việt Nam được ưu tiên phát sóng vào khung thời gian từ 18 đến 22 giờ.

3. Phim phát sóng cho trẻ em phải kết thúc trước 22 giờ.

**Điều 9. Phổ biến phim trên không gian mạng**

Việc cung cấp đầu mối liên hệ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Điện ảnh được thực hiện như sau:

a) Thông báo thông tin liên hệ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch những nội dung sau:

Tên tổ chức, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ phổ biến phim; địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính cung cấp dịch vụ và hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam (nếu có);

Đầu mối liên hệ: tên tổ chức, cá nhân đại diện tại Việt Nam (nếu có), địa chỉ email, điện thoại liên hệ;

Hình thức và thời gian thông báo: 15 ngày trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ phổ biến phim xuyên biên giới tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi thông báo trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính, hoặc qua phương tiện điện tử đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Điện ảnh);

Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy xác nhận bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo;

b) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng có thẩm quyền; cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động phổ biến phim xuyên biên giới có dấu hiệu vi phạm pháp luật cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền khi có yêu cầu.

**Điều 10. Thu hút tổ chức nước ngoài làm phim tại Việt Nam**

Việc thu hút tổ chức nước ngoài làm phim tại Việt Nam tại Điều 44 Luật Điện ảnh thực hiện như sau:

Tổ chức nước ngoài hợp tác sản xuất phim tại Việt Nam hoặc sử dụng dịch vụ do Việt Nam cung cấp được ưu đãi 10% thuế bao gồm giảm thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng.

Tổng Cục thuế, Chi Cục thuế tại tỉnh, thành phố doanh nghiệp sản xuất phim đến hợp tác với đối tác tại địa phương hoặc sử dụng dịch vụ do tổ chức địa phương cung cấp quyết định cho doanh nghiệp được ưu đãi về thuế.

**Điều 11. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh**

Việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh tại Điều 45 Luật Điện ảnh thực hiện như sau:

 Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh quy định tại khoản 1 Điều này được hình thành từ các nguồn sau:

1. Nhà nước hỗ trợ vốn ban đầu khi mới thành lập Quỹ từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa.

2. Huy động đóng góp tự nguyện, tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn thu nhập hợp pháp khác.

3. Trích 3% từ doanh thu bán vé của các phim nhập khẩu chiếu rạp tại Việt Nam; 3 % từ phí thẩm định và phân loại phim; 1% tiền thuê bao của phim phổ biến xuyên biên giới; 0.05 % tiền thuê bao của truyền hình trả tiền; 0.5 % Doanh thu từ hoạt động quảng cáo trong chương trình phim chiếu trên truyền hình; 5 % phí hậu kiểm.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12; quy định của Điều 3 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mật trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |
|  |  |